TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/DS-PT
Ngày: 10-02-2025
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và di dời tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành
Các Thẩm phán: Ông Ngô Đê
Ông Huỳnh Đắc Đương

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ngà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 277/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và di dời tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Tăng Thị P, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Kim C, sinh năm 1953 (chết ngày 14/3/2024)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Kim C:

1. Bà Kim Thị M, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

2. Ông Kim T, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

3. Bà Kim Thị K, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

4. Ông Kim T1, sinh năm 1985; Địa chỉ: KP L, Thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt).

5. Ông Kim N, sinh năm 1987 (có mặt).

6. Bà Thạch Thị M1, sinh năm 1949 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, bà Thạch Thị M1: Ông Kim N, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2024 và ngày 17/5/2024 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Kim N1, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. Anh Kim Sâm N2, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

3. Ông Lâm Đ, Sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Bà Kim Thị N3, sinh năm 1988 (vắng mặt).

5. Bà Kim Thị N4, sinh năm 1991 (vắng mặt).

6. Ông Tăng S, sinh năm 1956 (vắng mặt).

7. Bà Tăng Thị T2, sinh năm 1976 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

8. Bà Tăng Thị T3, sinh năm 1964; Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

9. Bà Tăng Thị T4, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

10. Bà Tăng Thị Sa K1, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

11. Ông Tăng Văn S1, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Kim Thị N3, bà Kim Thị N4, ông Tăng S, bà Tăng Thị T2, bà Tăng Thị T3, bà Tăng Thị T4, bà Tăng Thị Sa K1, ông Tăng Văn S1: Bà Tăng Thị P, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 07/4/2023 và ngày 11/5/2023 (có mặt).

12. Bà Thạch Thị M1, sinh năm 1949 (có mặt).

13. Ông Kim T1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

14. Ông Kim N, sinh năm 1987 (có mặt).

15. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1976 (vắng mặt).

16. Bà Ngô Thị M3, sinh năm 1979 (vắng mặt).

17. Bà Sơn Thị C1, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

18. Bà Kim Thị M4, sinh năm 1958; Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

19. Ông Kim Văn T5, sinh năm 1955; Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà

Vinh (vắng mặt).

20. Bà Kim Thị H1, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

21. Ông Kim T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

22. Bà Thạch Thị H2, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Kim T, ông Kim T1, bà Thạch Thị M1, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị M3, bà Sơn Thị C1, bà Kim Thị M4, ông Kim Văn T5, bà Kim Thị H1, bà Thạch Thị H2: Ông Kim N, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2024 và ngày 17/5/2024 (có mặt).

- *Người phiên dịch*: Ông Thạch V – Công tác tại Trường trung học phổ thông xã P, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

Người kháng cáo: Bà Tăng Thị P là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Tăng Thị P trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp thuộc thửa số 576 và phần B4 diện tích 4,8m^2; Phần B5 diện tích 165,5m^2; Phần B7 diện tích 68,3m^2; Phần B8 diện tích 2,9m^2; Phần B9 diện tích 131,9m^2; Phần A1 diện tích 3,4m^2 cùng thuộc thửa số 577, cùng tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh là của ông cố tên Kim T6 chết để lại cho con cháu. Ông Kim T6 có 04 người con là ông Kim L, bà Kim Thị T7, bà Kim Thị P1, ông Kim H3. Bà Kim Thị T7 có con là ông Tăng S2, ông S2 có con là cha của bà tên Tăng X. Cha của ông Kim C là ông Kim N5 là con của ông Kim L. Bà Thạch Thị D là con của bà Kim Thị P1, còn ông Kim C2 là con của ông Kim H3. Vào ngày 28/6/2009 ông Tăng X, ông Kim C2, ông Kim N6, ông Sơn N7, ông Kim H4 là người trong thân tộc có họp mặt lập văn bản phân chia đất trong đó có thửa đất số 576, 577 được chính quyền địa phương xác nhận. Phần đất được chia có chiều ngang 28,50m và chiều dài 144m, diện tích 4.104m^2 chia cho 04 người gồm: Tăng Xi, ông Kim N5, bà Thạch Thị D và ông Kim C2 người mỗi người thừa hưởng diện tích 1.026m^2 và cây trồng trên đất. Sau khi phân chia đã sử dụng phần đất cho đến nay. Ông N5 chỉ được chia diện tích 1.026m^2 giống như cha của bà nhưng ông N5 sử dụng lấn chiếm phần đất của cha bà và kê khai, sử dụng phần đất diện tích 1.380m^2 thuộc thửa số 577. Phần đất tranh chấp thuộc thửa 576 hiện nay được chia cho bà, bà T2 và phần đất tranh chấp thuộc thửa số 577 được chia cho bà được hàng thừa kế của ông X thống nhất.

Nay, bà yêu cầu người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Kim C là bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N, bà Thạch Thị M1 di dời tài sản trên đất trả cho bà và công nhận cho bà được quyền

quản lý, sử dụng phần B4 diện tích 4,8m^2; Phần B5 diện tích 165,5m^2; Phần B7 diện tích 68,3m^2; Phần B8 diện tích 2,9m^2; Phần B9 diện tích 131,9m^2; Phần A1 diện tích 3,4m^2 cùng thuộc thửa số 577, cùng tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Bà yêu cầu trả cho bà, bà Tăng Thị T2 và công nhận cho bà, bà Tăng Thị T2 được quyền quản lý, sử dụng phần B diện tích 3,6m^2; Phần B1 diện tích 2,0m^2; Phần B2 diện tích 1,8m^2; Phần B3 diện tích 4,8m^2; Phần A diện tích 72,3m^2 cùng thuộc thửa số 576, cùng tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 12/5/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn ông Kim C và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay của ông Kim N là người đại diện và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp nguyên đơn yêu cầu là của ông cố tên Kim T6 chết để lại cho cha của ông C là ông Kim N5. Ông T6 có 06 người con không phải là những người có tên như nguyên đơn trình bày, giữa gia đình ông với gia đình bà P không có mối quan hệ thân tộc. Ông T6 thấy cha bà P không có đất ở nên mới cho ông X một phần đất để ở nay bà T2 đang ở thuộc thửa số 576. Theo tư liệu năm 1995 thì ông N5 sử dụng kê khai, đăng ký thửa số 577, diện tích 1.380m^2 bao gồm cả phần đất các bên tranh chấp. Ông N5 ở chung với ông C trên phần đất, ông N5 chết ông C tiếp tục ở quản lý, sử dụng cho đến nay. Bà P cho rằng vào ngày 28/6/2009 có họp mặt một số người thân tộc gồm ông Tăng X, ông Kim C2, ông Kim N6, ông Sơn N7, ông Kim H4 có xác nhận của chính quyền địa phương lập văn bản phân chia đất cho con cháu nên khởi kiện tranh chấp đất là không đúng vì trong những người này chỉ có Kim C2 là người trong thân tộc, còn lại không phải là người trong thân tộc và họ tự ý phân chia đất của ông C mà không có sự đồng ý của gia đình ông N5 hay ông C là người quản lý, sử dụng thửa đất là không phù hợp với quy định pháp luật. Việc tranh chấp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết bằng Quyết định số: 2770/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 công nhận phần đất tranh chấp cho ông C. Sau đó, Quyết định có sai sót nên đã thu hồi bằng Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 do quyết định trên sai chủ thể vì các con khác của ông N5 có quyền thừa kế. Đối với phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 576 từ trước đến nay là đường đi chung và một phần của ông N5 sử dụng do quá trình kê khai, đăng ký bị sai ranh không phải thuộc phần đất của bà P. Các hàng thừa kế của ông N5 thống nhất phần đất tranh chấp được ông N5 cho ông C, hiện nay ông C chết nên đồng ý công nhận cho hàng thừa kế của ông C.

Nay, ông yêu cầu công nhận cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Kim C là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N phần B4 diện tích 4,8m^2; Phần B5 diện tích 165,5m^2; Phần B7 diện tích 68,3m^2; Phần B8 diện tích 2,9m^2; Phần B9 diện tích 131,9m^2; Phần A1 diện tích 3,4m^2 cùng thuộc thửa số 577 và phần B2 diện tích 1,8m^2, thuộc

một phần thửa số 576, cùng tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất tranh chấp. Bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N không đồng ý trả cho bà P, bà T2 phần B diện tích 3,6m^2; Phần B1 diện tích 2,0m^2; Phần B3 diện tích 4,8m^2; Phần A diện tích 72,3m^2 cùng thuộc thửa số 576, cùng tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh do đây là con đường đi chung và một phần của ông N5 sử dụng do quá trình kê khai, đăng ký bị sai ranh thuộc phần đất gia đình bị đơn.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Kim C là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1 có lời trình bày và yêu cầu như ông Kim N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim N1, Anh Kim Sâm N2, ông Lâm Đ, bà Kim Thị N3, bà Kim Thị N4, ông Tăng S, bà Tăng Thị T2, bà Tăng Thị T3, bà Tăng Thị T4, bà Tăng Thị Sa K1, ông Tăng Văn S1 có lời trình bày và yêu cầu như bà Tăng Thị P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị M1, ông Kim T1, ông Kim N, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị M3, bà Sơn Thị C1, bà Kim Thị M4, ông Kim Văn T5, bà Kim Thị H1, ông Kim T, bà Thạch Thị H2 có lời trình bày và yêu cầu như ông Kim N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Thị P yêu cầu người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Kim C là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N trả cho bà Tăng Thị P phần B4 diện tích 4,8m^2; Phần B5 diện tích 165,5m^2; Phần B7 diện tích 68,3m^2; Phần B8 diện tích 2,9m^2; Phần B9 diện tích 131,9m^2; Phần A1 diện tích 3,4m^2 cùng thuộc thửa số 577, cùng tờ bản đồ số 9, cùng tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Thị P.

Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Kim C là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N trả cho bà Tăng Thị P, bà Tăng Thị T2 phần B diện tích 3,6m^2; Phần B1 diện tích 2,0m^2; Phần B3 diện tích 4,8m^2; Phần A diện tích 72,3m^2 cùng thuộc thửa số 576, cùng tờ bản đồ số 9, cùng tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Công nhận cho bà Tăng Thị P, bà Tăng Thị T2 được quyền quản lý, sử dụng phần B diện tích 3,6m^2; Phần B1 diện tích 2,0m^2; Phần B3 diện tích 4,8m^2; Phần A diện tích 72,3m^2; loại đất cây lâu năm; cùng thuộc thửa số 576; cùng tờ bản đồ

số 9, cùng tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất là 01 cây sung ϕ 30cm. Cụ thể:

- Phần B diện tích 3,6m^2, thửa số 576. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần A6 thuộc thửa số 576, có số đo 0.4m.

+ Hướng N8: Giáp phần A1 thuộc thửa số 577, có số đo điểm 0.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B2 thuộc thửa số 576, có số đo 0.5m, 1.8m và 14.3m.

+ Hướng T8: Giáp phần A thuộc thửa số 576, có số đo 0.6m và 16,1m.

- Phần B1 diện tích 2,0m^2, thửa số 576. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần A6 thuộc thửa số 576, có số đo 0.9m.

+ Hướng N8: Giáp phần B2 thuộc thửa số 576, có số đo 0.9m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 2.2m.

+ Hướng Tây: Giáp phần B thuộc thửa số 576, có số đo 0.5m và 1.8m.

- Phần B3 diện tích 4,8m^2, thửa số 576. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần B2 thuộc thửa số 576, có số đo 0.40m và 2.90m.

+ Hướng N8: Giáp phần B4 thuộc thửa số 577, có số đo điểm 0.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 11,5m.

+ Hướng Tây: Giáp phần B thuộc thửa số 576, có số đo 14.3m.

- Phần A diện tích 72,3m^2, thửa số 576. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần A6 thuộc thửa số 576, có số đo 1.9m.

+ Hướng N8: Giáp phần A2 thuộc Sông, có số đo 1.8m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B thuộc thửa số 576, có số đo 0.6m và 16.1m và giáp phần A1 thuộc thửa số 577, có số đo 19.20m.

+ Hướng T8: Giáp phần A4 thuộc thửa số 576, có số đo 0.5m và 35,12m.

Công nhận cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Kim C là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N được quyền quản lý, sử dụng phần B2 diện tích 1,8m^2, loại đất cây lâu năm, thuộc thửa số 576, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần B1 thuộc thửa số 576, có số đo 0.9m.

+ Hướng N8: Giáp phần B3 thuộc thửa số 576, có số đo 0.4m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B8 thuộc thửa số 577, có số đo 2.9m.

+ Hướng T8: Giáp phần B2 thuộc thửa số 576, có số đo 2.9m.

Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Kim C là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T9, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông

Kim N có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất thuộc phần B2 diện tích 1,8m^2, thuộc thửa số 576 cho bà Tăng Thị P, bà Tăng Thị T2 số tiền 661.500 đồng *(Sáu trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm đồng)*.

3. Chấp nhận phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Kim C có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N.

Công nhận cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Kim C là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N được quyền quản lý, sử dụng phần B4 diện tích 4,8m^2; Phần B5 diện tích 165,5m^2; Phần B7 diện tích 68,3m^2; Phần B8 diện tích 2,9m^2; Phần B9 diện tích 131,9m^2; Phần A1 diện tích 3,4m^2; loại đất cây lâu năm; cùng thuộc thửa số 577, cùng tờ bản đồ số 9, cùng tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất tranh chấp. Cụ thể:

- Phần B4 diện tích 4,8m^2, thuộc thửa số 577. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần B3 thuộc thửa số 576, có số đo điểm 0.

+ Hướng N8: Giáp phần B16 thuộc Sông, có số đo 0.5m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 19.10m.

+ Hướng T8: Giáp phần A1 thuộc thửa số 577, có số đo 19,20m.

- Phần B5 diện tích 165,5m^2, thuộc thửa số 577. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 5.17m, 1.1m và 3.92m.

+ Hướng N8: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 10.00m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B10 thuộc thửa số 577, có số đo 16,73m.

+ Hướng T8: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 17.80m.

- Phần B7 diện tích 68,3m^2, thuộc thửa số 577. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 5.50m.

+ Hướng N8: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 5.57m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 12.11m.

+ Hướng T8: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 1.7m, 3.0m và 7.67m.

- Phần B8 diện tích 2,9m^2, thuộc thửa số 577. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 0.8m.

+ Hướng N8: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 1.10m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B8 thuộc thửa số 577, có số đo 3.0m.

+ Hướng T8: Giáp phần B2 thuộc thửa số 576, có số đo 2.9m.

- Phần B9 diện tích 131,9m^2, thuộc thửa số 577. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp thửa số 577 có số đo 0.8m, 8.5m, 1.7m, 5.5m, 12.11m, 5.57m, 7.67m, 1.1m.

+ Hướng Nam: Giáp thửa số 577 có số đo 03.92m, 1.1m, 5.17m, 10.0m, 11.75m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B12 thuộc thửa số 577 có số đo 16.85m và 1.2m; giáp phần B10 thuộc thửa số 577 có số đo 16.73m.

+ Hướng T8: Giáp phần B1 thuộc thửa số 576 có số đo 2.2m; giáp phần B2 thuộc thửa số 576 có số đo 2.9m; giáp phần B3 thuộc thửa số 576 có số đo 11.5m và giáp phần B4 thuộc thửa số 577 có số đo 19.1m.

- Phần A1 diện tích 3,4m^2, thuộc thửa số 577. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần B thuộc thửa số 576, có số đo điểm 0.

+ Hướng N8: Giáp phần A2 thuộc Sông, có số đo 0.4m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B4 thuộc thửa số 577, có số đo 19.1m.

+ Hướng T8: Giáp phần A thuộc thửa số 576, có số đo 19.20m.

Theo sơ đồ khu đất kèm theo Công văn 1009/CNHTrC ngày 11/09/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2024 nguyên đơn bà Tăng Thị P kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Kim C là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N trả cho bà diện tích đất phần B4 diện tích 4,8m^2; Phần B5 diện tích 165,5m^2; Phần B7 diện tích 68,3m^2; Phần B8 diện tích 2,9m^2; Phần B9 diện tích 131,9m^2; Phần A1 diện tích 3,4m^2; loại đất cây lâu năm; cùng thuộc thửa số 577, cùng tờ bản đồ số 9, cùng tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến và tranh tụng công khai tại phiên toà hôm nay. Xét thấy nguyên đơn bà Tăng Thị P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Kim C là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N trả cho bà diện tích đất phần B4 diện tích 4,8m^2; Phần B5 diện tích 165,5m^2; Phần B7 diện tích 68,3m^2; Phần B8 diện tích 2,9m^2; Phần B9 diện tích 131,9m^2; Phần A1 diện tích 3,4m^2; loại đất cây lâu năm; cùng thuộc thửa số 577, cùng tờ bản đồ số 9, cùng tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ của các đương sự và quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn bà Tăng Thị P kháng cáo, việc kháng cáo của nguyên đơn còn trong hạn luật định nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về nội dung kháng cáo của bà Tăng Thị P yêu cầu sửa án sơ thẩm buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Kim C là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N trả cho bà diện tích đất phần B4 diện tích 4,8m^2; Phần B5 diện tích 165,5m^2; Phần B7 diện tích 68,3m^2; Phần B8 diện tích 2,9m^2; Phần B9 diện tích 131,9m^2; Phần A1 diện tích 3,4m^2; loại đất cây lâu năm; cùng thuộc thửa số 577, cùng tờ bản đồ số 9, cùng tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ lời khai của các bên đương sự đều thừa nhận diện tích đất tranh chấp của ông Kim T6, theo tư liệu địa chính năm 1983 thuộc thửa số 696 và năm 1995 thuộc thửa số 577 do ông Kim N5 là người sử dụng đất, phần đất này của ông Kim T6 để lại cho gia đình ông N5 được ông Kim N5 quản lý, sử dụng từ trước năm 1975, ông N5 nhà ở chung với ông C nên cùng quản lý, sử dụng đến khi ông N5 chết thì ông C tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên phần đất tranh chấp ông C đã cất nhà lại và có sửa chữa để ở cùng các con của ông C và cho con cất nhà ở như hiện trạng hiện nay. Vào ngày 28/6/2009 một số người gồm ông Trì M5, ông Tăng X, ông Kim C2, ông Kim N6, ông Sơn N9, ông Kim H4, bà Thạch Thị D lập biên bản về việc xác

minh đất thổ cư có nội dung chia đất 03 thửa số 576, 577, 580 thành 04 phần bằng nhau cho 04 người gồm ông Tăng Văn X, ông Kim N5, bà Thạch Thị D và ông Kim C2 mỗi người thừa hưởng diện tích 1.026m^2 và cây trồng trên đất có xác nhận của Trưởng ban nhân dân ấp Chợ nhưng không có sự chứng kiến, đồng ý của gia đình ông N5 hay ông C là người kê khai, đăng ký và trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp thuộc thửa số 577 nên biên bản chia đất trên không có giá trị pháp lý để xác định đất tranh chấp là của bà P.

[3] Tại Công văn số: 1931/UBND-NC ngày 14/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T cung cấp, theo tư liệu địa chính thể hiện hình thể thửa đất đúng theo hiện trạng ranh giới sử dụng ổn định nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, qua lời khai của những người làm chứng, những người biết về nguồn gốc đất tranh chấp xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa số 577 là của gia đình ông C quản lý, sử dụng ổn định đúng hiện trạng như hiện nay, có thực hiện kê khai, đăng ký đứng tên trên sổ mục kê ruộng đất đúng theo quy định thuộc trường hợp được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình bà P không có sử dụng phần đất tranh chấp này, bà P căn cứ vào biên bản về việc xác minh đất thổ ngày 28/6/2009 đã phân chia đất cho ông Tăng X diện tích 1.026m^2 nhưng gia đình bà P sử dụng không đủ diện tích được chia, còn gia đình ông Kim C được chia diện tích 1.026m^2 nhưng sử dụng nhiều hơn nên đi kiện đòi và cũng không có chứng cứ gì chứng minh ngoài biên bản chia đất, như đã phân tích nêu trên thì biên bản chia đất không có căn cứ giá trị pháp lý để xác định đất đó là của bà Tăng Thị P. Do đó yêu cầu kháng cáo của bà Tăng Thị P không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm là phù hợp với quy định pháp luật cũng như nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của của bà Tăng Thị P không được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do bà P là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tăng Thị P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DSST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Thị P yêu cầu người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Kim C là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N trả cho bà Tăng Thị P phần B4 diện tích 4,8m^2; Phần B5 diện tích 165,5m^2; Phần B7 diện tích 68,3m^2; Phần B8 diện tích 2,9m^2; Phần B9 diện tích 131,9m^2; Phần A1 diện tích 3,4m^2 cùng thuộc thửa số 577, cùng tờ bản đồ số 9, cùng tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Thị P.

Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Kim C là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N trả cho bà Tăng Thị P, bà Tăng Thị T2 phần B diện tích 3,6m^2; Phần B1 diện tích 2,0m^2; Phần B3 diện tích 4,8m^2; Phần A diện tích 72,3m^2 cùng thuộc thửa số 576, cùng tờ bản đồ số 9, cùng tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Công nhận cho bà Tăng Thị P, bà Tăng Thị T2 được quyền quản lý, sử dụng phần B diện tích 3,6m^2; Phần B1 diện tích 2,0m^2; Phần B3 diện tích 4,8m^2; Phần A diện tích 72,3m^2; loại đất cây lâu năm; cùng thuộc thửa số 576; cùng tờ bản đồ số 9, cùng tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất là 01 cây sung ϕ 30cm. Cụ thể:

- Phần B diện tích 3,6m^2, thửa số 576. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần A6 thuộc thửa số 576, có số đo 0.4m.

+ Hướng N8: Giáp phần A1 thuộc thửa số 577, có số đo điểm 0.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B2 thuộc thửa số 576, có số đo 0.5m, 1.8m và 14.3m.

+ Hướng T8: Giáp phần A thuộc thửa số 576, có số đo 0.6m và 16,1m.

- Phần B1 diện tích 2,0m^2, thửa số 576. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần A6 thuộc thửa số 576, có số đo 0.9m.

+ Hướng N8: Giáp phần B2 thuộc thửa số 576, có số đo 0.9m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 2.2m.

+ Hướng Tây: Giáp phần B thuộc thửa số 576, có số đo 0.5m và 1.8m.

- Phần B3 diện tích 4,8m^2, thửa số 576. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần B2 thuộc thửa số 576, có số đo 0.40m và 2.90m.

+ Hướng N8: Giáp phần B4 thuộc thửa số 577, có số đo điểm 0.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 11,5m.

+ Hướng Tây: Giáp phần B thuộc thửa số 576, có số đo 14.3m.

- Phần A diện tích 72,3m^2, thửa số 576. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần A6 thuộc thửa số 576, có số đo 1.9m.

+ Hướng N8: Giáp phần A2 thuộc Sông, có số đo 1.8m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B thuộc thửa số 576, có số đo 0.6m và 16.1m và giáp phần A1 thuộc thửa số 577, có số đo 19.20m.

+ Hướng T8: Giáp phần A4 thuộc thửa số 576, có số đo 0.5m và 35,12m.

Công nhận cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Kim C là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N được quyền quản lý, sử dụng phần B2 diện tích 1,8m^2, loại đất cây lâu năm, thuộc thửa số 576, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần B1 thuộc thửa số 576, có số đo 0.9m.

+ Hướng N8: Giáp phần B3 thuộc thửa số 576, có số đo 0.4m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B8 thuộc thửa số 577, có số đo 2.9m.

+ Hướng T8: Giáp phần B2 thuộc thửa số 576, có số đo 2.9m.

Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Kim C là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T9, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất thuộc phần B2 diện tích 1,8m^2, thuộc thửa số 576 cho bà Tăng Thị P, bà Tăng Thị T2 số tiền 661.500 đồng *(Sáu trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm đồng)*.

3. Chấp nhận phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Kim C có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N.

Công nhận cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Kim C là bà Thạch Thị M1, bà Trần Thị M2, ông Kim T, bà Kim Thị K, ông Kim T1, ông Kim N được quyền quản lý, sử dụng phần B4 diện tích 4,8m^2; Phần B5 diện tích 165,5m^2; Phần B7 diện tích 68,3m^2; Phần B8 diện tích 2,9m^2; Phần B9 diện tích 131,9m^2; Phần A1 diện tích 3,4m^2; loại đất cây lâu năm; cùng thuộc thửa số 577, cùng tờ bản đồ số 9, cùng tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất tranh chấp. Cụ thể:

- Phần B4 diện tích 4,8m^2, thuộc thửa số 577. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần B3 thuộc thửa số 576, có số đo điểm 0.

+ Hướng N8: Giáp phần B16 thuộc Sông, có số đo 0.5m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 19.10m.

+ Hướng T8: Giáp phần A1 thuộc thửa số 577, có số đo 19,20m.

- Phần B5 diện tích 165,5m^2, thuộc thửa số 577. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 5.17m, 1.1m và 3.92m.

+ Hướng N8: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 10.00m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B10 thuộc thửa số 577, có số đo 16,73m.

+ Hướng T8: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 17.80m.

- Phần B7 diện tích 68,3m^2, thuộc thửa số 577. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 5.50m.

+ Hướng N8: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 5.57m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 12.11m.

+ Hướng T8: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 1.7m, 3.0m và 7.67m.

- Phần B8 diện tích 2,9m^2, thuộc thửa số 577. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 0.8m.

+ Hướng N8: Giáp phần B9 thuộc thửa số 577, có số đo 1.10m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B8 thuộc thửa số 577, có số đo 3.0m.

+ Hướng T8: Giáp phần B2 thuộc thửa số 576, có số đo 2.9m.

- Phần B9 diện tích 131,9m^2, thuộc thửa số 577. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp thửa số 577 có số đo 0.8m, 8.5m, 1.7m, 5.5m, 12.11m, 5.57m, 7.67m, 1.1m.

+ Hướng Nam: Giáp thửa số 577 có số đo 03.92m, 1.1m, 5.17m, 10.0m, 11.75m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B12 thuộc thửa số 577 có số đo 16.85m và 1.2m; giáp phần B10 thuộc thửa số 577 có số đo 16.73m.

+ Hướng T8: Giáp phần B1 thuộc thửa số 576 có số đo 2.2m; giáp phần B2 thuộc thửa số 576 có số đo 2.9m; giáp phần B3 thuộc thửa số 576 có số đo 11.5m và giáp phần B4 thuộc thửa số 577 có số đo 19.1m.

- Phần A1 diện tích 3,4m^2, thuộc thửa số 577. Có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc: Giáp phần B thuộc thửa số 576, có số đo điểm 0.

+ Hướng N8: Giáp phần A2 thuộc Sông, có số đo 0.4m.

+ Hướng Đ1: Giáp phần B4 thuộc thửa số 577, có số đo 19.1m.

+ Hướng T8: Giáp phần A thuộc thửa số 576, có số đo 19.20m.

Theo sơ đồ khu đất kèm theo Công văn 1009/CNHTrC ngày 11/09/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

còn phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự được quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho bà Tăng Thị P.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không sửa đổi bổ sung tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS H. Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thành